|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BYT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2015* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Đề xuất đổi mới đào tạo nhân lực y tế**

**theo hướng nâng cao chất lượng và hội nhập**

Kính gửi: Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực

Đào tạo nhân lực y tế là một khâu quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong quá trình phát triển và hội nhập.

Trong thời gian qua, công tác đào tạo nhân lực y tế đã đạt được một số kết quả quan trọng nhưng cũng bộc lộ một số khó khăn thách thức, đòi hỏi cần có những giải pháp hợp lý cả trước mắt và lâu dài để thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực và hướng tới hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

**1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT**

**1.1. Các chủ trương chính sách trong nước**

Để đổi mới đào tạo nhân lực y tế, trước mắt tập trung đổi mới chương trình đào tạo các nhóm nhân lực chính (bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, hộ sinh) nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực y tế và hội nhập trong thời gian tới, Bộ Y tế dựa trên một số quan điểm chỉ đạo như sau:

- Nghị quyết 46-NQ/TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới đã nêu rõ “*Nghề y là một nghề đặc biệt, cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt”.*

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định: *“Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học...Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước”.*

- Việt Nam đã ký thỏa thuận khung công nhận lẫn nhau giữa các nước trong khu vực ASEAN về các lĩnh vực Y khoa, Nha khoa và Điều dưỡng.Đồng thời, từ 01/01/2016 Việt Nam sẽ tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại thông báo số 193/TB-VPCP ngày 09 tháng 6 năm 2015 tại cuộc họp bàn về Đổi mới công tác đào tạo nhân lực y tế: *“Bộ Y tế chủ trì phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng phương án hoàn thiện mô hình đào tạo nhân lực y tế (Y và Dược) ... báo cáo Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực tại phiên họp tháng 6 năm 2015”; “Bộ Y tế khẩn trương hoàn thiện theo thẩm quyền các văn bản quy định cụ thể về tổ chức thực hành (chương trình, nội dung, tiêu chí, biểu giá và cơ sở thực hành) cho các học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp để được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh...”.*

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại thông báo số 317/TB-VPCP ngày 18 tháng 9 năm 2015 *giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với BGDĐT nghiên cứu đề xuất điều chỉnh khung trình độ, thời gian đào tạo đại học, sau đại học của ngành Y*.

**1.2. Hướng tiếp cận của các nước trong đào tạo nhân lực y tế**

- Theo ISCED 2011 (International Standard Classification of Education), UNESCO, có 8 bậc trong khung trình độ của hệ thống giáo dục: từ ISCED 1 đến ISCED 8 và đưa ra các tiêu chí để đánh giá tương đương các trình độ (equivalent level).

- Các nước đang theo tiến trình BOLOGNA trong đào tạo y khoa để đảm bảo chất lượng thống nhất và có thể so sánh được giữa các nước.

- Quan tham khảo một số mô hình giáo dục y khoa trên thế giới các mô hình này có một số đặc điểm chung như sau:

+ Có thể phân theo một số loại tiêu chí: (i) Đầu vào: học sinh tốt nghiệp phổ thông (high school graduate), học sinh tốt nghiệp đại học (college graduate), cả hai nhóm (mixed); (ii) Đầu ra: Bác sỹ thực hành đa khoa (GP) là chính, bác sỹ chuyên khoa sâu bệnh viện (Specialist) là chính, cả hai nhóm (mixed); (iii) Mức độ can thiệp của nhà nước, hội nghề nghiệp và các bên thứ ba như cơ quan bảo hiểm hoặc cơ quan sử dụng nhân lực vào đạo tạo y khoa.

+ Giáo dục y khoa chịu ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế xã hội, vai trò của nhà nước và các bên liên quan trong quản trị hệ thống và nhân lực, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân và lịch sử phát triển ngành/nghề y.

+ Không có mô hình nào là ưu việt tuyệt đối (phụ thuộc vào thể chế và hệ thống pháp luật của nước sở tại).

+ Đặc điểm chung của các mô hình là đào tạo Y khoa theo hướng hành nghề khám chữa bệnh gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1: Trình độ đại học (cử nhân Y khoa); Giai đoạn 2: Thực hành nghề nghiệp (để có bằng hành nghề); Giai đoạn 3: Đào tạo chuyên khoa (theo các chuyên khoa khác nhau).

**2. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC Y TẾ Ở VIỆT NAM**

**2.1. Về thể chế:**

- Việc thể chế hóa quan điểm chỉ đạo theo tinh thần Nghị quyết số 46 của Bộ Chính trị vẫn còn hạn chế, chưa thể hiện được quan điểm *“nghề y là một nghề đặc biệt, cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt”.*

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh đã có quy định về cấp chứng chỉ hành nghề theo chức danh làm việc nhưng vẫn có những bất cập: chưa quy định việc thi quốc gia để được cấp chứng chỉ hành nghề; chưa quy định về tiêu chuẩn cơ sở thực hành, nội dung thực hành, người hướng dẫn thực hành và cơ chế tài chính trong việc tổ chức thực hành để đăng ký chứng chỉ hành nghề; chưa xác định rõ phạm vi hành nghề.

- Luật Dược có quy định về cấp chứng chỉ hành nghề nhưng chưa quy định việc thi quốc gia để được cấp chứng chỉ hành nghề; chưa quy định về nội dung thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề theo phạm vi hành nghề.

- Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn: chưa có các quy định cụ thể riêng đối với đào tạo nhân lực y tế về tiêu chuẩn, tiêu chí đối với việc mở ngành, mở trường, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đào tạo chuyên khoa sau đại học, ...

- Luật Viên chức và chính sách sử dụng: chưa quy định cụ thể chức năng, vị trí việc làm của giảng viên nhà trường tham gia làm việc chuyên môn tại bệnh viện và của bác sĩ bệnh viện tham gia vào giảng dạy học viên. Mức lương của bác sĩ ra trường (6 năm) cũng giống như các ngành khác (4-5 năm). Các chính sách thu hút nguồn nhân lực làm việc ở các khu vực khó khăn còn chưa đủ mạnh, ...

**2.2. Về tổ chức đào tạo nhân lực y tế:**

- Mạng lưới các cơ sở đào tạo và số lượng các cơ sở đào tạo tăng nhanh, tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn với sự tham gia đào tạo nhân lực y tế của các trường đa ngành.

- Quy mô đào tạo tăng nhanh, nhưng các tiêu chí chuyên môn để mở ngành ở các trường đa ngành, đặc biệt là trình độ trung cấp (đối với y sĩ, điều dưỡng, dược) còn chưa chặt chẽ.

- Chương trình đào tạo: vẫn dựa trên chương trình cũ (đào tạo nặng về kiến thức lý thuyết), chưa chú trọng đúng mức đến tạo ra năng lực cần thiết cho người học; chất lượng nhân lực y tế còn chưa đáp ứng được với nhu cầu thực tế.

**2.3. Mô hình đào tạo bác sĩ, bác sĩ chuyên khoa trên thế giới và ở Việt Nam**

***2.3.1. Tuyển sinh và đào tạo và hành nghề đối với Bác sĩ trên thế giới và ở Việt Nam***

- Trên thế giới ở trình độ đại học, thường đào tạo cử nhân y khoa sau đó là đào tạo chuyên khoa.

- Ở Việt Nam:

+ Theo 4 mã ngành độc lập: Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng và Răng Hàm Mặt để cung cấp theo nhu cầu thực tế.

+ Hành nghề: bác sĩ sau tốt nghiệp phải thực hành 18 tháng để cấp chứng chỉ hành nghề. Chưa có quy định cụ thể về tổ chức thực hành: *nội dung, tiêu chí, phương thức quản lý, tài chính, phạm vi hành nghề*.

***2.3.2. Mô hình bác sĩ chuyên khoa trên thế giới và ở Việt Nam***

- Đặc biệt, trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đào tạo, chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa đào tạo chuyên khoa (để hành nghề) và đào tạo thạc sĩ tiến sĩ (để phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy)***.***

- Chuyên khoa cấp I, II và BSNT là bậc học sau đại học:

+ Thế giới: Đào tạo bác sĩ chuyên khoa bắt đầu sau khi một người đã hoàn thành chương trình đào tạo y khoa cơ bản. Bác sĩ chuyên khoa là bác sĩ đã hoàn thành chương trình đào tạo và thực hành lâm sàng chuyên sâu về một lĩnh vực chuyên môn của y học. Đào tạo bác sĩ chuyên khoa có thể bắt đầu trong chương trình nội trú như ở Mỹ, Pháp, Anh, Úc… Đặc điểm của đào tạo chuyên khoa là có sự hiện diện của hệ thống đào tạo công phu có điều tiết và giám sát chặt chẽ và thường không có những kỳ thi mang tính quốc gia. Hầu hết các nước coi đây là bậc học sau đại học, liên quan chặt chẽ đến hành nghề khám, chữa bệnh **(***Bảng văn bằng và cơ quan cấp cho bác sĩ chuyên khoa ở các nước Châu Âu***- *Phụ lục 1*)**. Tiêu chuẩn giáo dục y khoa sau đại học (chuyên khoa) bao gồm các năng lực cơ bản và thiết yếu mà người bác sĩ chuyên khoa phải có để có thể thực hành tốt trong phạm vi chuyên khoa của mình.

+ Việt Nam: Đào tạo chuyên khoa được Bộ Y tế thực hiện từ những năm 70 của thế kỷ XX và được coi là bậc học sau đại học. Hiện tại đã được công nhận trong các tiêu chí trong chức danh nghề nghiệp, ngạch bậc. Song theo Luật Giáo dục 2009 và Luật giáo dục Đại học 2012 thì CKI, II, BSNT không được xếp vào bậc học sau đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Cấp văn bằng CKI, II, BSNT:

+ Thế giới: một số nước gọi là giấy chứng nhận, nhiều nước gọi là bằng chuyên khoa (***Phụ lục 1***).

+ Việt Nam: giai đoạn trước đây cấp Chứng chỉ, hiện nay cấp bằng CKI, CKII và BSNT, bằng do Bộ Y tế ban hành và quản lý. Trong khi đó Bộ Giáo dục ban hành Quyết định 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2007 quy định các loại văn bằng, chứng chỉ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (không có CKI, II, BSNT) thì do Bộ GD quản lý (Điều 4).

- Cơ quan quản lý đào tạo CKI, II, BSNT:

+ Thế giới rất nhiều nước do Bộ Y tế hoặc cơ quan quản lý về y tế quản lý đào tạo chuyên khoa (***Phụ lục 1***).

+ Việt Nam: Bộ Y tế ban hành quy chế đào tạo, quản lý toàn bộ quá trình đào tạo.

- Mối liên quan giữa đào tạo chuyên khoa và đào tạo hàn lâm (ThS, TS):

+ Thế giới phân biệt rõ hai hệ đào tạo này. Đào tạo chuyên khoa để có trình độ chuyên khoa sâu phục vụ công tác khám bệnh chữa bệnh. Cán bộ giảng dạy các môn có tiếp xúc trực tiếp với người bệnh cần có cả văn bằng của hai hệ này. Giảng viên lâm sàng là CKI, II, BSNT tham gia vào quá trình đào tạo với tư cách là giảng viên cơ hữu hoặc mời giảng.

+ Việt Nam: Bộ Giáo dục không công nhận người có trình độ CKI, II, BSNT là giảng viên.

**3. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP**

***3.1. Về thể chế***

- Sửa Luật Giáo dục, Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Luật Viên chức và các quy định liên quan trong đó:

+ Quy định về thời gian đào tạo trình độ đại học, tên bằng tốt nghiệp

+ Quy định chuyên khoa là bậc học sau đại học, đặc thù của ngành y, nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, công nhận chuyên khoa là giảng viên.

+ Quy định về khung trình độ của người ra trường có bằng sau đại học, đặc thù của ngành y để phù hợp với thời gian đào tạo.

+ Đề nghị giao cho Bộ Y tế quản lý trực tiếp đào tạo chuyên khoa với sự phối hợp của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng “Nghị định đào tạo chuyên khoa sau đại học ngành Y tế”, trong đó nêu rõ đào tạo chuyên khoa là bậc học sau đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và giao cho Bộ Y tế quản lý đào tạo.

***3.2. Về mô hình đối với đào tạo ngành Y***

*3.2.1. Trình độ đại học*

- Khung trình độ: Khi tốt nghiệp ngành Y trình độ đại học, người học đạt và hưởng lương của khung trình độ bậc 6.

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

- Văn bằng: Cử nhân Y khoa.

*3.2.2. Trình độ sau đại học:*

3.2.2.1. Đào tạo để hành nghề khám, chữa bệnh:

*- Đào tạo Bác sĩ Y khoa*

+ Khung trình độ: Khi tốt nghiệp Bác sĩ y khoa, người học đạt và hưởng lương của khung trình độ bậc 7.

+ Thời gian đào tạo (sau tốt nghiệp cử nhân Y khoa): 2 năm.

+ Văn bằng: Bác sĩ Y khoa.

+ Người có văn bằng này chưa được hành nghề.

*- Thực tập hành nghề*

+ Thời gian thực tập: 1 năm (trong thời gian này có thể được cấp chứng chỉ hành nghề hạn chế).

+ Địa điểm thực tập hành nghề: Chỉ thực hành tại Bệnh viện theo quy định.

+ Kết thúc thực tập tiền hành nghề sẽ tham dự kỳ thi chứng chỉ hành nghề quốc gia để hành nghề Bác sĩ đa khoa (phạm vi hành nghề do Bộ Y tế quy định).

+ Văn bằng: Bác sĩ đa khoa

+ Hành nghề: Người có văn bằng này mới được hành nghề Bác sĩ đa khoa.

*- Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa*

+ Khung trình độ: Khi tốt nghiệp Bác sĩ chuyên khoa, người học đạt và hưởng lương của khung trình độ bậc 8.

+ Thời gian đào tạo (sau khi có bằng bác sĩ đa khoa): Tối thiểu 3 năm

+ Kết thúc đào tạo, Bác sĩ chuyên khoa sẽ tham dự kỳ thi chứng chỉ hành nghề quốc gia để hành nghề Bác sĩ chuyên khoa.

+ Văn bằng: Bác sĩ chuyên khoa.

+ Hành nghề: Người có văn bằng này mới được hành nghề Bác sĩ chuyên khoa.

3.2.2.2. Đào tạo để giảng dạy/nghiên cứu

Các giảng viên giảng dạy chuyên ngành khám chữa bệnh cần có 2 loại bằng để hành nghề khám, chữa bệnh và văn bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ.

3.2.2.3. Liên thông 2 hướng này

Về nguyên tắc, người học có thể liên thông theo 2 hướng này, với điều kiện phải tuân theo các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và đảm bảo các tín chỉ tương đương trên cơ sở thực hiện chương trình đào tạo theo tín chỉ.

*(Mô hình đào tạo Y khoa Việt Nam kèm theo-* ***Phụ lục 2****)*

***3.3. Về mô hình đối với ngành Dược***

*3.3.1. Trình độ đại học*

- Khung trình độ: Khi tốt nghiệp ngành Dược trình độ đại học, người học đạt và hưởng lương của khung trình độ bậc 6.

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

- Văn bằng: Cử nhân khoa học Dược.

*3.3.2. Trình độ sau đại học:*

3.3.2.1. Đào tạo để hành nghề Dược:

*- Đào tạo Dược sĩ*

+ Khung trình độ: Khi tốt nghiệp Dược sĩ, người học đạt và hưởng lương của khung trình độ bậc 7.

+ Thời gian đào tạo (sau tốt nghiệp cử nhân khoa học Dược): 2 năm.

+ Văn bằng: Dược sĩ.

+ Kết thúc đào tạo bậc này sẽ tham gia kỳ thi chứng chỉ hành nghề quốc gia để có văn bằng Dược sĩ.

+ Hành nghề: Người có văn bằng này mới được hành nghề Dược.

*- Đào tạo Dược sĩ chuyên khoa*

+ Khung trình độ: Khi tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa, người học đạt và hưởng lương của khung trình độ bậc 8.

+ Thời gian đào tạo (sau có văn bằng Dược sĩ): 3 năm

+ Văn bằng: Dược sĩ chuyên khoa.

+ Hành nghề: Người có văn bằng này mới được hành nghề Dược sĩ chuyên khoa.

3.3.2.2. Đào tạo để giảng dạy

Các giảng viên giảng dạy chuyên ngành Dược cần có 2 loại bằng để hành nghề Dược và văn bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ.

*(Mô hình đào tạo Dược sĩ Việt Nam kèm theo-* ***Phụ lục 2****)*

***3.4. Về mô hình đối với ngành Điều Dưỡng***

*3.4.1. Trình độ đại học*

- Khung trình độ: Khi tốt nghiệp ngành Điều dưỡng trình độ đại học, người học đạt và hưởng lương của khung trình độ bậc 6.

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

- Văn bằng: Cử nhân Điều dưỡng.

- Ngay sau khi tốt nghiệp cử nhân điều dưỡng, có thể thi ngay chứng chỉ hành nghề điều dưỡng để hành nghề.

*3.2.2. Trình độ sau đại học:*

- Để học trình độ sau đại học, người học cần có chứng chỉ hành nghề điều dưỡng.

- Văn bằng Thạc sĩ và Tiến sĩ được dùng cho cả hệ hành nghề và nghiên cứu.

*(Mô hình đào tạo Điều dưỡng Việt Nam Việt kèm theo-* ***Phụ lục 2****)*

***3.5. Phương án đảm bảo chất lượng đào tạo nhân lực y tế***

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo dựa trên năng lực, đổi mới theo hướng tích hợp.

- Xây dựng, nâng cấp các phòng thực hành tiền lâm sàng tại trường và nâng cao chất lượng của các cơ sở thực hành lâm sàng.

- Nâng cao chất lượng giảng viên, giáo viên

- Phối hợp cơ sở thực hành và cơ sở giáo dục: Xây dựng và triển khai thực hiện Nghị định phối hợp giữa cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành trong đào tạo nhân lực y tế.

- Xây dựng và tổ chức hệ thống kiểm định trong đào tạo nhân lực y tế: đánh giá trong, đánh giá ngoài và mời chuyên gia khu vực và quốc tế phù hợp với điều kiện của Việt Nam và có lộ trình hội nhập quốc tế.

***3.6. Lộ trình đổi mới và thời gian chuyển tiếp cho ngành Y***

- Từ 2015 đến 2016:

+ Lấy ý kiến rộng rãi mô hình đề xuất.

+ Xây dựng kế hoạch giảm quy mô tuyển sinh để đảm bảo chất lượng

+ Triển khai thí điểm đào tạo dựa trên năng lực, theo hướng tích hợp.

+ Xây dựng chương trình thạc sĩ và nghiên cứu sinh không theo hướng lâm sàng, theo hệ nghiên cứu để phân biệt với hệ hành nghề khám bệnh chữa bệnh.

- Từ 2017 đến 2018:

+ Lên kế hoạch tuyển sinh chung là đa khoa (trong đào tạo y khoa), không tạo ưu tiên cho các đối tượng khác nhau.

+ Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo cử nhân y khoa 4 năm và bác sĩ y khoa 2 năm.

+ Xây dựng kế hoạch, xây dựng chương trình thực hành tiền hành nghề 1 năm và chuyên khoa 3 năm cũng như chuyên khoa nhiều hơn 3 năm.

+ Mở rộng triển khai đào tạo dựa trên năng lực, theo hướng tích hợp.

+ Sửa Luật Khám, chữa bệnh.

+ Xây dựng Nghị định về đào tạo chuyên khoa (theo Khoản 1 Điều 6 và Khoản 4, Điều 38, Luật Giáo dục Đại học, 2012).

- Từ 2019 đến 2020:

+ Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chương trình đào tạo và thực hành đã đưa ra.

+ Hoàn thiện mô hình mới.

+ Tiếp tục sửa đổi quy định pháp luật và hoàn thiện các thể chế.

- Từ 2020 trở đi áp dụng mô hình mới trên toàn quốc.

Trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:**  - Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);  - Bộ trưởng (để b/c);  - Các Thứ trưởng Bộ Y tế;  - Bộ Giáo dục và Đào tạo;  - Lưu: VT, K2ĐT. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Lê Quang Cường** |